

Dương Kinh, ngày 03 tháng 10 năm 2023

**BIÊN BẢN**

**Thực hiện công khai của Trường Mầm non Hòa Nghĩa  
Thời điểm đầu năm học 2023 - 2024**

**Thời gian:** 10h30 phút ngày 03 tháng 10 năm 2023

**Địa điểm:** Văn phòng trường mầm non Hòa Nghĩa.

**Thành phần:**

Trủ trì: Đ/c Nguyễn Thị Phương – Hiệu trưởng – Trưởng ban chỉ đạo;

Thư ký: Đ/c Vũ Thị Lê – CTCD – Phó trưởng ban chỉ đạo.

Các đồng chí: Phó hiệu trưởng, Bí thư chi đoàn, Ban thanh tra nhân dân, Tổ trưởng chuyên môn các tổ, Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Tổng số triệu tập: 7 đ/c. Phụ huynh: 01 đồng chí.

**1. Nội dung công khai**

Thực hiện công khai trong nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục. Trên tinh thần đó trường mầm non Hòa Nghĩa thực hiện niêm yết công khai 3 nội dung theo Thông tư 36 tại thời điểm đầu năm học 2023 - 2024.

Đồng chí Hiệu trưởng thông qua các Biểu công khai để dán tại bảng tin của trường:

1. Biểu 1: Thông báo Cam kết chất lượng năm học 2023 – 2024; Biểu 2: Thông báo chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ thực tế; Biểu 3: Thông báo điều kiện cơ sở vật chất của trường; Biểu 4: Thông báo điều kiện đội ngũ;

2. Thông báo công khai: Kế hoạch thu chi năm học 2023 - 2024; Các khoản thu năm học 2023 - 2024;

**2. Hình thức, thời gian công khai**

Thông qua trong cuộc họp Hội đồng sư phạm; Hội nghị nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động;

Dán niêm yết tại bảng tin của trường, tại các điểm trường; Phòng họp Hội đồng;

Đăng trên trang thông tin điện tử của trường;

Thời gian công khai: Trong vòng 30 ngày

### 3. Ý kiến phát biểu của các đồng chí dự họp

Toàn thể cán bộ, giáo viên nhân viên có mặt đều nhất trí với các thông tin đ/c Hiệu trưởng đã thông qua để dán công khai tại bảng tin và đăng trên trang thông tin điện tử của trường. Các thông tin đều chính xác so với thực tế.

Kết luận của đồng chí Nguyễn Thị Phương: Cuộc họp nhất trí với các thông tin đã công khai, đồng chí kế toán nhà trường dán niêm yết các bản công khai tại bảng công khai của nhà trường trong vòng 30 ngày (Từ ngày 03/10/2023 đến ngày 03/11/2023), giao bảo vệ của trường trông coi các biểu công khai, không để mất hoặc hỏng. Các thông tin trên sẽ tiếp tục được công khai tới toàn thể phụ huynh của trường thông qua cuộc họp phụ huynh học sinh năm học 2023 - 2024.

Nội dung được công khai rộng rãi, nhà trường kính mong các đồng chí CBGVNV và toàn thể phụ huynh học sinh của trường xem thông tin trên bảng tin, trên trang thông tin điện tử có ý kiến gì xin phản hồi về BGH nhà trường trong vòng 15 ngày để được giải đáp.

Biên bản này lập thành 2 bản, lưu trong hồ sơ của nhà trường.

Cuộc họp kết thúc vào hồi 11h ngày 03 tháng 10 năm 2023.

THƯ KÝ



Vũ Thị Lê

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Phương

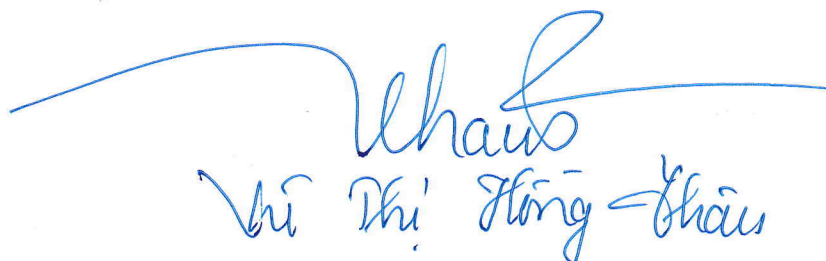
### CÁC THÀNH VIÊN



Nguyễn Thị Huyền  
Trần Thị Tú



Lê Thị Quỳnh Liên



Vũ Thị Hồng Châu

Uỷ Ban Dân Quản Dự Án Kinh Tế Tại Phường

**THÔNG BÁO**  
**Cam kết chất lượng giáo dục, năm học: 2023 - 2024**

TT	Nội dung	Kết quả dự kiến đạt được trong năm học	
		Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Tên chương trình giáo dục mầm non thực hiện	Chương trình GDMN theo Thông tư 28/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chương trình GDMN theo Thông tư 28/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
II	Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được		
1	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	Trẻ trong kênh phát triển bình thường: Về cân nặng: 98% Về chiều cao: 98,4%	Trẻ trong kênh phát triển bình thường. Về cân nặng: 98% Về chiều cao: 98,4%
2	Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ	100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm, cân đo một quý/lần. Tỷ lệ trẻ SDD thể nhẹ cân dưới 2%, SDD thể thấp còi dưới 2,5%. Phần đầu giảm ít nhất 3% số trẻ SDD so với đầu năm, không chế tỷ lệ trẻ thừa cân và béo phì dưới 3%. 100% trẻ đảm bảo an toàn và phòng tránh tai nạn thương tích.	100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm, cân đo 3 lần/năm. Tỷ lệ trẻ SDD thể nhẹ cân dưới 2%, SDD thể thấp còi dưới 2,5%. Phần đầu giảm ít nhất 3% số trẻ SDD so với đầu năm, không chế tỷ lệ trẻ thừa cân và béo phì dưới 3%. 100% trẻ đảm bảo an toàn và phòng tránh tai nạn thương tích.
3	Chất lượng giáo dục trẻ	Chất lượng kiểm định ở các lĩnh vực, trẻ đạt yêu cầu: Thể chất: 96 – 97%; Nhận thức: 97 - 98%; Ngôn ngữ: 95 - 96%; TCXH: 94 - 95%; Thẩm mỹ: 95 - 96%.	Chất lượng kiểm định ở các lĩnh vực, trẻ đạt yêu cầu: Thể chất: 96 – 97%; Nhận thức: 97 - 98%; Ngôn ngữ: 95 - 96%; TCXH: 94 - 95%; Thẩm mỹ: 95 - 96%.
IV	Các hoạt động hỗ trợ nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở GDMN (nếu có)	Các ngày hội, ngày lễ, trải nghiệm trong khuôn viên trường học.	Các ngày hội ngày lễ, sân chơi tập thể, thăm quan trải nghiệm tại các địa điểm ngoài nhà trường, thực hành trải nghiệm với các vật thật: làm bánh, làm sinh tố, tổ chức hội chợ....

Hòa Nghĩa, ngày 20 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG  
Nguyễn Thị Phương

**THÔNG BÁO**  
Công khai chất lượng giáo dục thực tế, năm học: 2023-2024

T	T	Nội dung	Toàn trường		Kết quả thực tế đạt được trong năm học							
			Kết quả đạt được		Trong đó chia ra							
			Số lượng trẻ	Đạt tỷ lệ	Đánh giá mức độ đạt được so với dự kiến đầu năm học	Nhà trẻ			Mẫu giáo			
		Tổng số trẻ đi học	605	100	Đạt	3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi	
1	Huy động trẻ	Trẻ học nhóm ghép Trẻ học 2 buổi/ngày	605	100	Đạt		21	21	53	139	182	210
	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	Trẻ khuyết tật học hòa nhập Trẻ được tổ chức ăn bán trú Trẻ được cung cấp chế độ và khẩu phần ăn đảm bảo theo nhu cầu khuyến nghị	596	100	Đạt		21	21	53	139	182	210
2		Trẻ được khám sức khỏe định kỳ Trẻ được cân-đo, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định	596	100	Đạt		21	21	53	139	182	210
	Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ	Trẻ có cân nặng bình thường Trẻ có chiều cao bình thường Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi Trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm Trẻ thừa cân Trẻ béo phì	609	100	Đạt		21	21	49	131	173	201
3		Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ	21	3.5	Đạt		0	0	3	2	4	1
		Trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần	609	100	Đạt		21	21	53	139	182	210



T T	Nội dung	Kết quả thực tế đạt được trong năm học							
		Toàn trường		Trong đó chia ra					
		Số lượng trẻ	Đạt tỷ lệ	Nhà trẻ					
				Đánh giá mức độ đạt được so với dự kiến đầu năm học	3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi
4	<p>Trẻ đi học chuyên cần</p> <p>Đánh giá chất lượng giáo dục trẻ</p> <p>Trẻ được đánh giá ở mức "Đạt"</p> <p>Trẻ được đánh giá ở mức "Cần cố gắng"</p> <p>Trẻ được đánh giá ở mức "Chưa đạt"</p> <p>Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN</p> <p>Trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ</p>	596	92,7	Đạt	21	35	145	195	191

Hòa Nghĩa, ngày 20 tháng 9 năm 2023

**HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Phương



**THÔNG BÁO**  
**Công khai thông tin cơ sở vật chất, năm học: 2023-2024**

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Tổng số phòng</b>		Số m <sup>2</sup> /trẻ em
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		-
1	Phòng học kiên cố	9	-
2	Phòng học bán kiên cố	7	-
3	Phòng học tạm	2	-
4	Phòng học nhờ		-
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	3	-
<b>IV</b>	<b>Tổng diện tích đất toàn trường (m<sup>2</sup>)</b>	3870	6,5
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi (m<sup>2</sup>)</b>	1935	3,2
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích một số loại phòng</b>		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m <sup>2</sup> )	40	
2	Diện tích phòng ngủ (m <sup>2</sup> )	35	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m <sup>2</sup> )	15	
4	Diện tích hiên chơi (m <sup>2</sup> )	50	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m <sup>2</sup> )	0	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m <sup>2</sup> )	0	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m <sup>2</sup> )	180	
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>	605/18 lớp	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	35/lớp	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	12/lớp	
<b>VIII</b>	<b>Tổng số đồ chơi ngoài trời</b>	36 bộ	Số bộ/sân chơi (trường)
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)</b>	46	
<b>X</b>	<b>Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)</b>	54	Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Mic nói	10	
2	Tivi	20	
3	Camera	21	
4	Bộ lego	20	
5	Các khối gỗ	840	
6	Bộ Nam châm	05	
7	Bộ thí nghiệm	05	

XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Số lượng(m <sup>2</sup> )	
			Dùng cho trẻ	
			Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	01		17
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*		1	

(\*Theo Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
...	...		

Hòa Nghĩa, ngày 20 tháng 9 năm 2023



Nguyễn Thị Phương



## THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên, năm học 2022-2023

T T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	Th S	Đ H	C Đ	T C	Duó i TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	
	<b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	<b>51</b>		1	39	5	3	3		3							
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b>	<b>37</b>			<b>32</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>0</b>		<b>19</b>	<b>12</b>	<b>6</b>					
1	Nhà trẻ	5			4	1	0			2	3						
2	Mẫu giáo	32			28	3	1	0		17	9	6					
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>3</b>		1	2												
1	Hiệu trưởng	1		1						1			1				
2	Phó hiệu trưởng	2			2					2			2				
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	<b>11</b>			<b>5</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>									
1	Nhân viên văn thư																
2	Nhân viên kế toán	1			1												
3	Thủ quỹ	1			1												
4	Nhân viên y tế																
5	Nhân viên nuôi dưỡng	9			3	1	2	3									
6	Nhân viên khác																
...	...																

Ghi chú: Đối tượng chưa có tiêu chí đánh giá "Hạng chức danh nghề nghiệp" và "Chuẩn nghề nghiệp" thì để trống.

Văn thư: Hạng I tương ứng với Văn thư viên chính, Hạng II tương ứng với Văn thư viên, Hạng III tương ứng với văn thư viên trung cấp

Hòa Nghĩa, ngày 20 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG  
MẦM NON  
HÒA NGHĨA  
Nguyễn Thị Phương

## THÔNG BÁO

Công khai số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong năm học 2023-2024 và 02 năm tiếp theo

TT	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng tham gia	Số lượng người tham gia	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	10/2023	Bùi Thị Thủy - GV	1	Nâng chuẩn	Tại chức	Đại học

Hòa Nghĩa, ngày 20 tháng 9 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương

#### Hướng dẫn ghi biểu

- Cột 2: Ghi dự kiến thời gian đào tạo, bồi dưỡng từ tháng/năm đến tháng/năm
- Cột 3: Ghi tên đối tượng tham gia: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên...
- Cột 6: Ghi hình thức đào tạo, bồi dưỡng: Tập trung, vừa học vừa làm, trực tuyến...
- Cột 7: Ghi trình độ đào tạo, bồi dưỡng đạt được sau khi hoàn thành (Thạc sỹ, Đại học, Cao đẳng, Chứng chỉ, Chứng nhận..)

Hòa Nghĩa, ngày 03 tháng 10 năm 2023

**THÔNG BÁO**  
**Công khai các khoản thu – chi năm học 2023-2024**

Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết 04/2023/NQ-HĐND ngày 18/07/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm học 2023-2024.

Căn cứ Hướng dẫn liên sở số 03/HDLS-GDĐT-STC ngày 22/08/2023 Liên sở Giáo dục – Đào tạo và Sở tài chính hướng dẫn thực hiện thu và sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm học 2023-2024.

Căn cứ Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ về việc quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ Thông tư 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25/10/2011 của Bộ giáo dục và đào tạo quy định thời gian làm việc của giáo viên mầm non;

Thực hiện công văn số 2368/SGDĐT-KHTC ngày 31/08/2023 của Sở giáo dục và đào tạo thành phố về việc thực hiện thu học phí, các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo năm học 2023-2024.

Thực hiện Công văn số 531/GD&ĐT ngày 06/09/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Dương Kinh về việc thực hiện thu học phí, các khoản tu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục và đào tạo năm học 2023-2024

Căn cứ tình hình phát triển kinh tế, giáo dục và đào tạo địa phương, tính chất đặc thù của bậc học mầm non;

Căn cứ biên bản họp Ban đại diện cha mẹ học sinh ngày 24/9/2023; biên bản họp phụ huynh của 18 lớp trường mầm non Hoà Nghĩa ngày 24/9/2023

Trường mầm non Hòa Nghĩa công khai các khoản thu chi năm học 2023-2024 cụ thể như sau:

Dự kiến số học sinh huy động đến trường là 600 học sinh, giảm trừ thất thu, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, và học sinh đi học không đều, tỷ lệ chuyên cần thấp, thất thu. Số thực thu là 500 học sinh.

### **1. Học phí:**

#### **1.1. Dự kiến Thu**

Dự kiến mức thu: 300.000 đ/cháu/tháng (Hỗ trợ theo Nghị định 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019).

#### **1.2. Dự kiến chi**

+ Số trẻ thu học phí là 500 cháu:

Tổng số tiền học phí thu được:  $500 \text{ trẻ} \times 203.000\text{đ} \times 9 \text{ tháng} = 913.500.000$  đ đồng.

Cụ thể mức chi:

+ 100% để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định

### **2. Tổ chức bán trú:**

#### **2.1. Tiền ăn:**

\* Mức thu : 24.000 đ/cháu/ngày

Trong đó :

+ Tiền ăn: 22.000 đ/cháu/ngày.

+ Chất đốt: 2.000 đ/cháu/ngày.

\* Kế hoạch chi:

+ Tiền ăn dùng để mua thực phẩm nấu ăn cho các con tại trường. Cháu mẫu giáo ăn 1 bữa chính, 2 bữa phụ; cháu nhà trẻ ăn 2 bữa chính, 1 bữa phụ.

#### **2.2. Thiết bị bán trú:**

- Kế hoạch thu:

+ Đối với học sinh mới tuyển: 360.000đ/trẻ/năm (Thu theo kỳ : 180.000đ/cháu/kỳ)

+ Đối với học sinh đã học năm trước: 200.000đ/cháu/năm (Thu theo kỳ 100.000đ/cháu/kỳ)

- Kế hoạch chi: Dùng để mua gối, khăn mặt, bàn chải răng, xà phòng...và bổ sung các trang thiết bị bán trú: Phấn nằm, đệm, chăn, ca, cốc, bát, thìa...

### **3. Chăm sóc bán trú:**

**3.1. Tiền hỗ trợ người nấu ăn; người chăm ăn, trông trưa; công tác quản lý (thu theo tháng)**

\* *Kế hoạch thu:*

Trên cơ sở tính toán, trường dự kiến mức thu hỗ trợ nhân viên nấu ăn là:  
120.000đ/cháu/tháng

\* *Kế hoạch chi:*

- 87% chi trả nhân viên trực tiếp nấu ăn
- 10% chi công tác quản lý
- 3% phúc lợi

**3.2. Tiền quản lý trẻ ngoài giờ:**

\* *Kế hoạch thu:* Căn cứ điều kiện kinh tế địa phương, trường dự kiến thu 260.000đ/cháu/tháng.

\* *Kế hoạch chi:*

- 75 % chi giáo viên trực tiếp làm thêm.
- 12% chi công tác quản lý.
- 11% phúc lợi (chi thưởng, lớp đạt tỷ lệ chuyên cần, lớp đông ...)
- 2% Dự kiến đóng thuế.

**3. Tiền học thêm ngày thứ 7:**

\* *Kế hoạch thu:* 50.000đ/ngày.

\* *Kế hoạch chi:*

- 75 % chi giáo viên, nhân viên trực tiếp làm
- 12% chi công tác quản lý.
- 11% chi phúc lợi
- 2% dự kiến đóng thuế.

**4. Cho trẻ làm quen tiếng anh**

\* *Kế hoạch thu:* 160.000đ/tháng

\* *Kế hoạch chi:*

- + 80% trả về trung tâm liên kết
- + 10% chi trả cho giáo viên chủ nhiệm
- + 10% công tác quản lý và cơ sở vật chất, thuế

**5. Điện điều hòa, bình nóng lạnh:**

\* *Kế hoạch thu:* 40.000đ/trẻ/tháng

\* *Kế hoạch chi:* 100% để chi trả tiền điện sử dụng điều hòa, bình nóng lạnh của trẻ trong các tháng mùa hè, mùa đông; bảo dưỡng, sửa chữa điều hòa, bình nóng lạnh (có công tơ riêng).

Trên đây là Thông báo công khai các khoản thu – chi của trường mầm non Hòa Nghĩa năm học 2023 - 2024. Trường xin công khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và các bậc phụ huynh. Nhà trường xin tiếp nhận ý kiến đóng góp của các bậc phụ huynh qua phòng tiếp dân, hoặc số điện thoại của Hiệu trưởng (0768348438)

**Nơi nhận:**

- UBND quận Dương Kinh;
- Phòng GD&ĐT;
- Phòng TC-KH;
- Lưu VT.



**HIỆU TRƯỞNG**

*Nguyễn Thị Phương*  
**Nguyễn Thị Phương**